



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn bất động sản CRV

Ngày 31/12/2025	29,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	1.7%	-3.6%

DT thuần Q4/25
25.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼48.0 -65.3%
YoY: ▼510 -95.2%

LN thuần Q4/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.9 -64.4%
YoY: ▼147 -93.4%

LN sau thuế Q4/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.3 -48.9%
YoY: ▼111 -91.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
33.7%
YoY: +/-▲ 5.7%

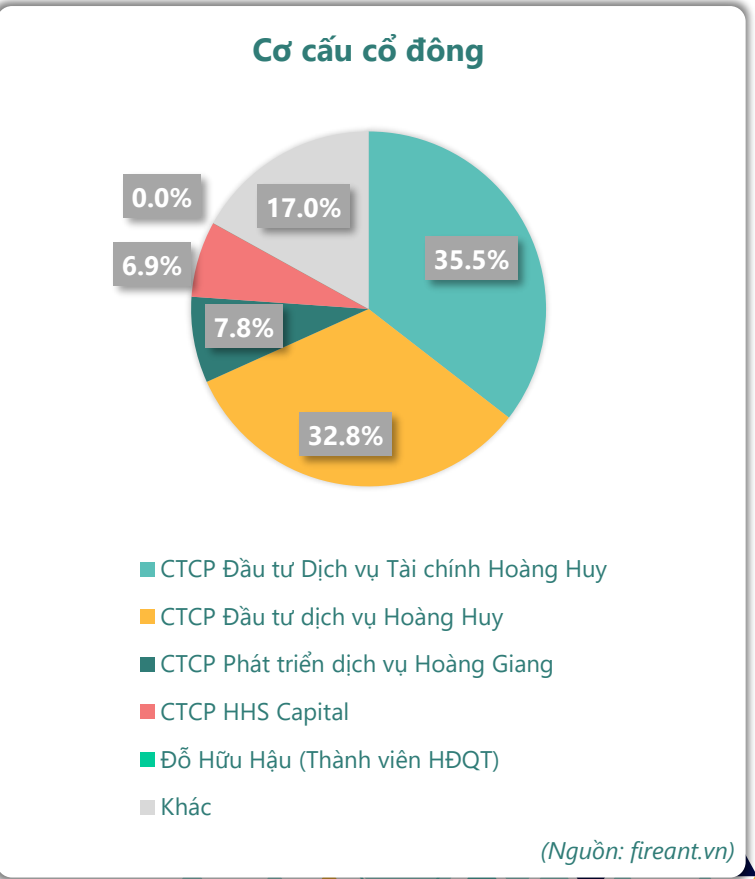
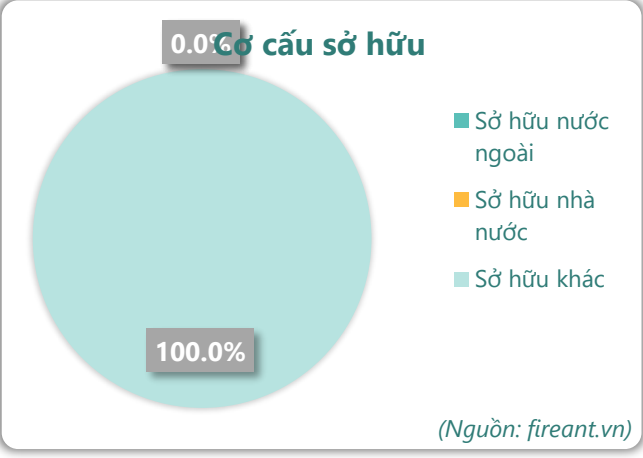
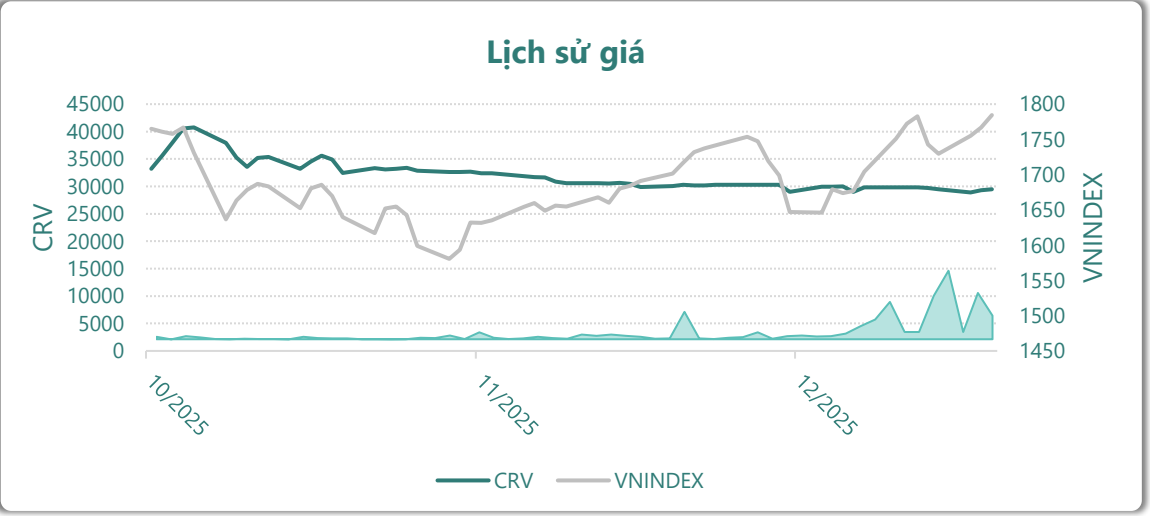
ROE 2025
2.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,900 - 40,758
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20,278
Số lượng CPLH (CP)	687,399,875
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,450
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.62
EPS	254
P/E	116.3

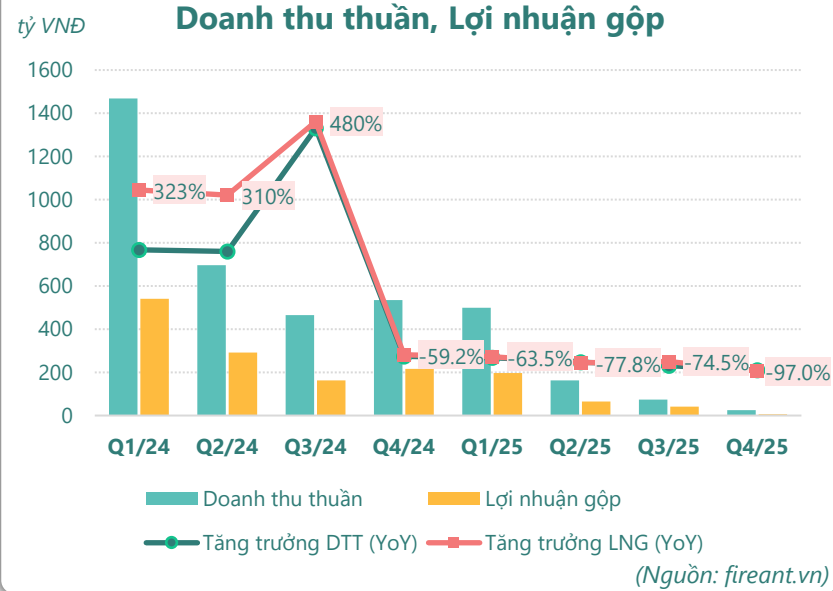
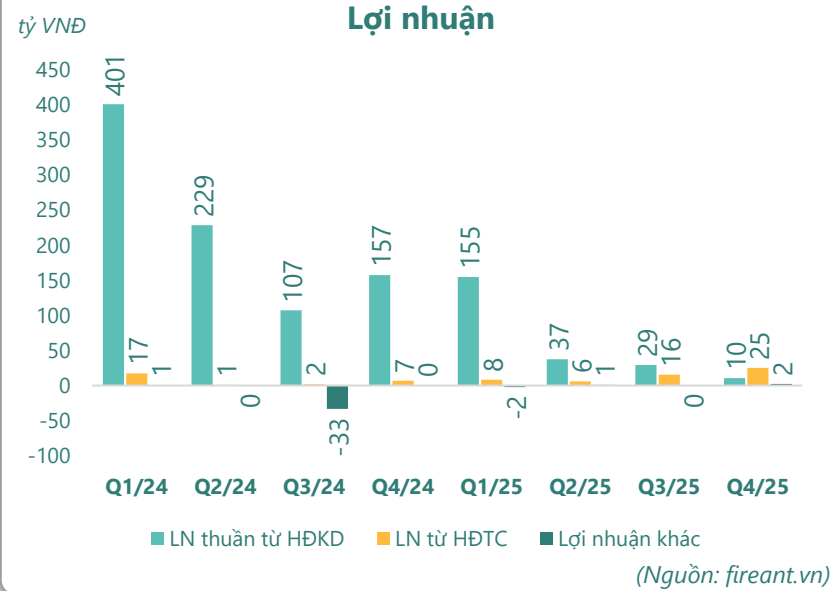
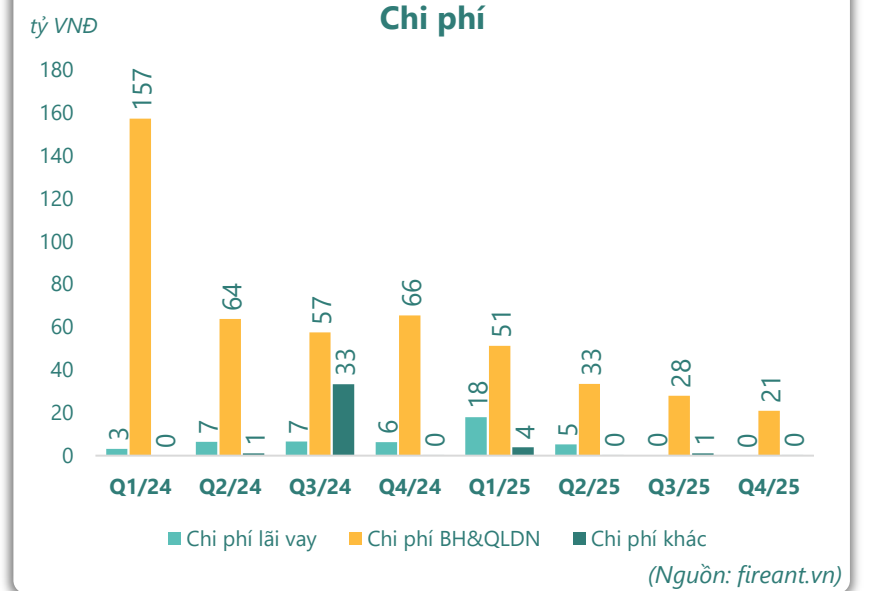
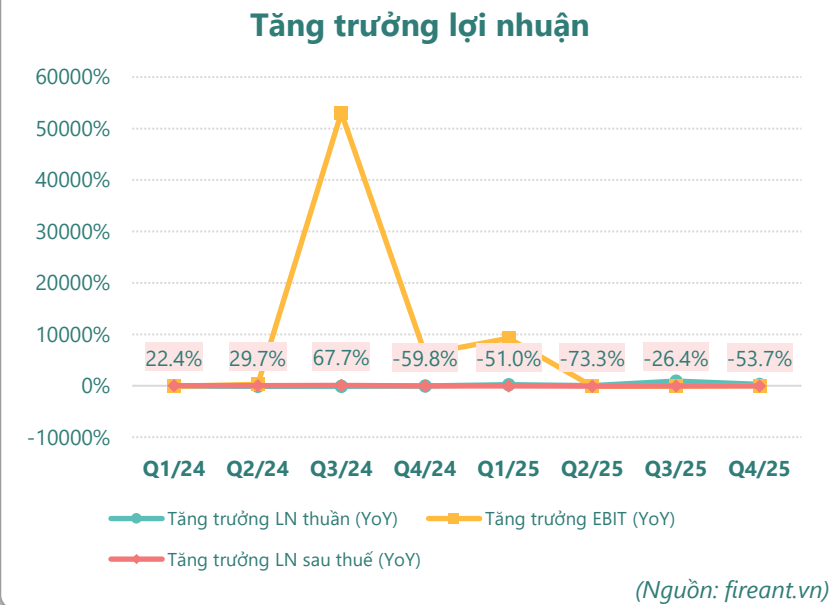
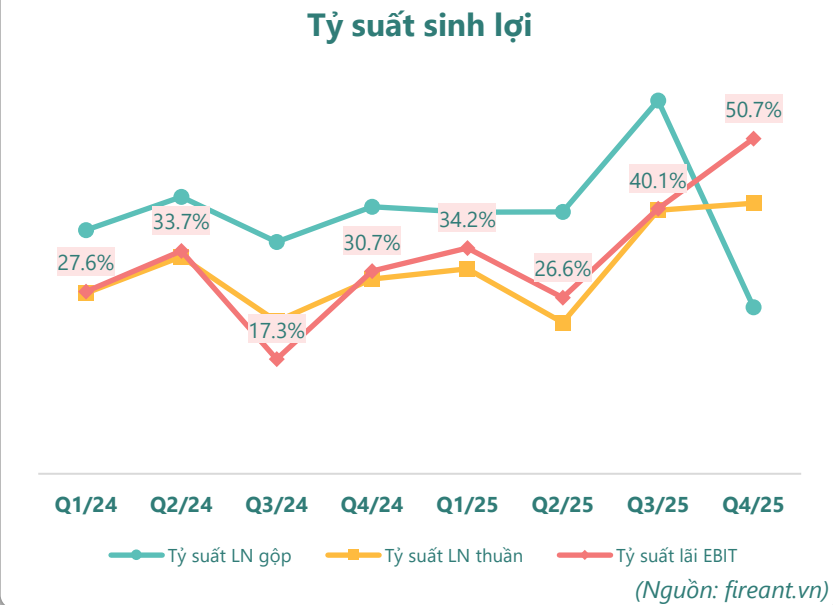
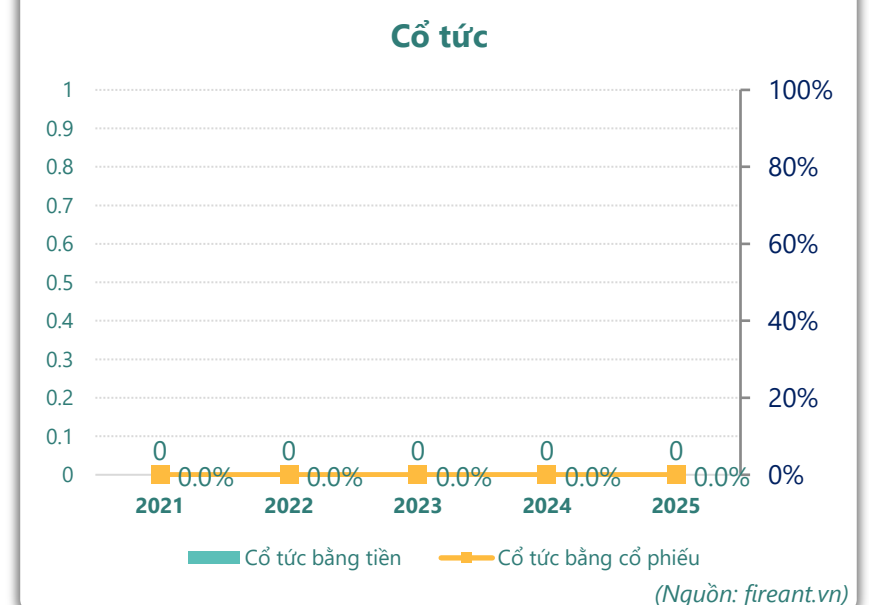
DT thuần 2025
762
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,402 -75.9%

LN thuần 2025
232
tỷ VNĐ
YoY: ▼662 -74.1%

LN sau thuế 2025
174
tỷ VNĐ
YoY: ▼510 -74.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH

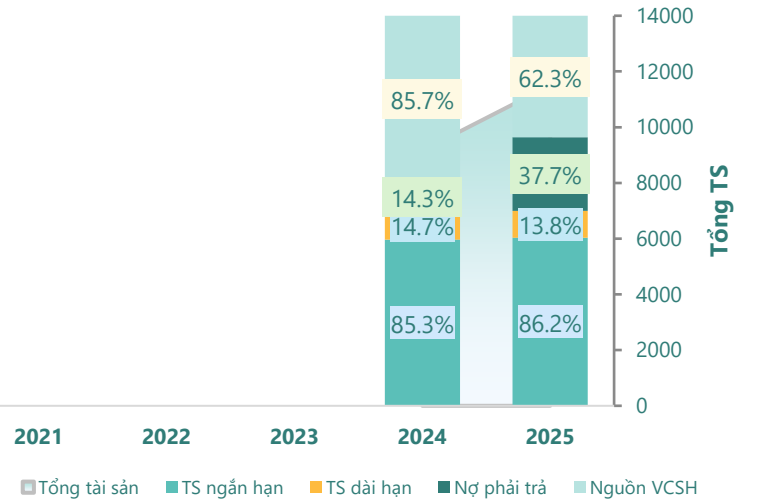


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

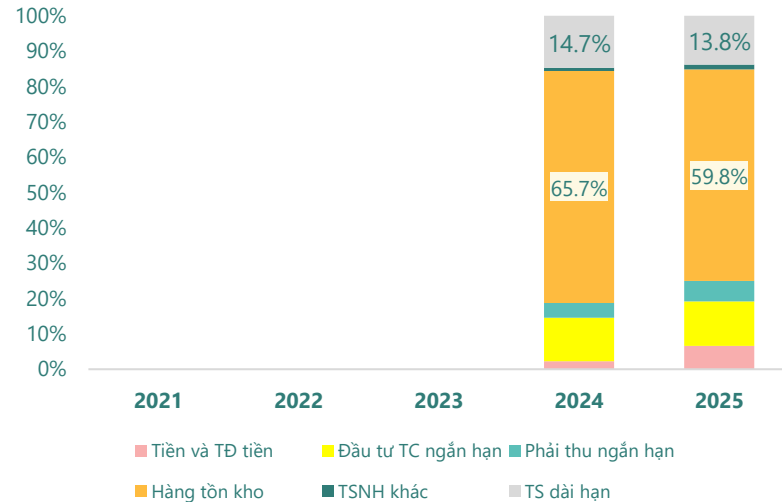
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

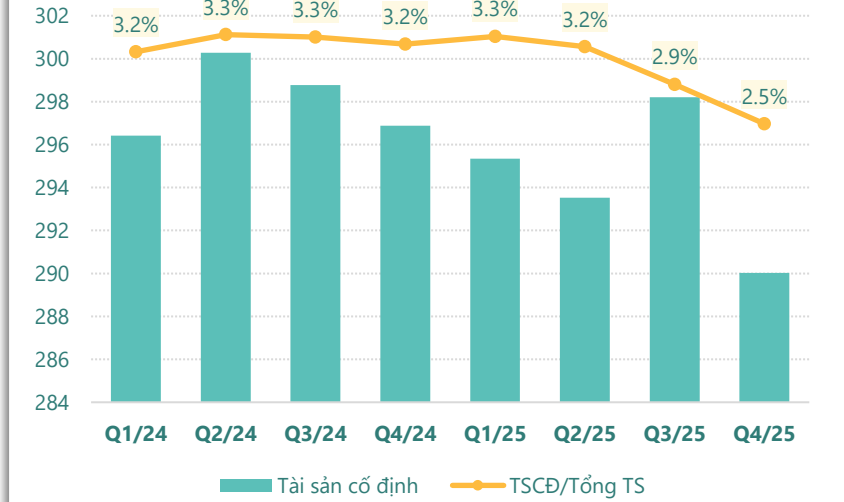
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

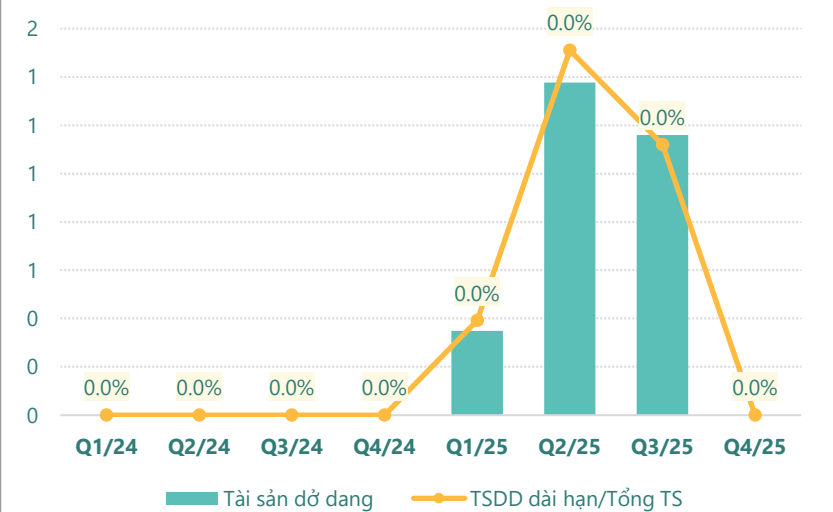
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

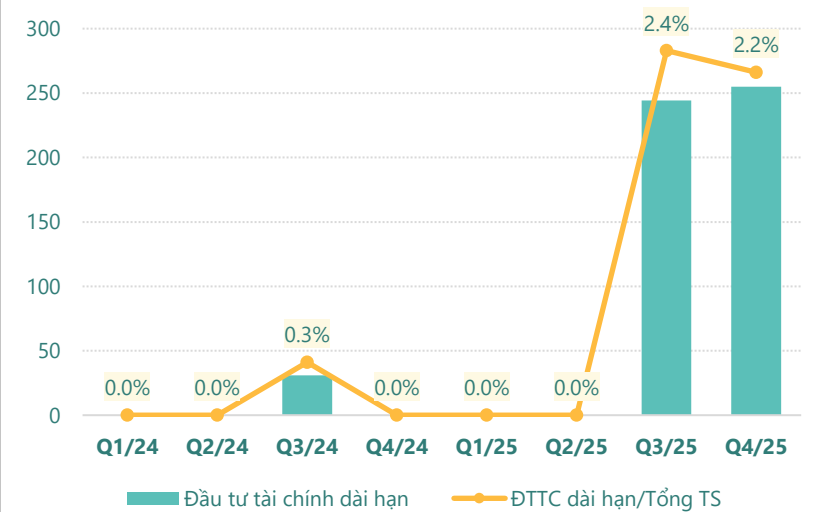
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

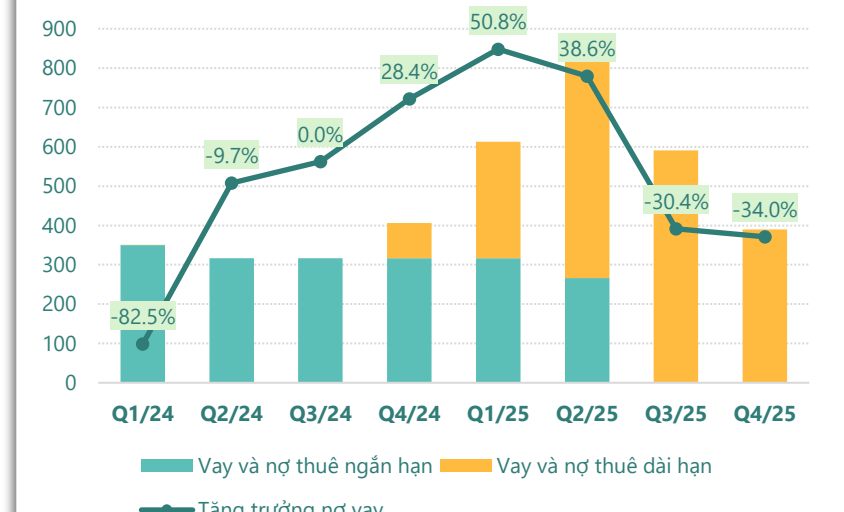
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

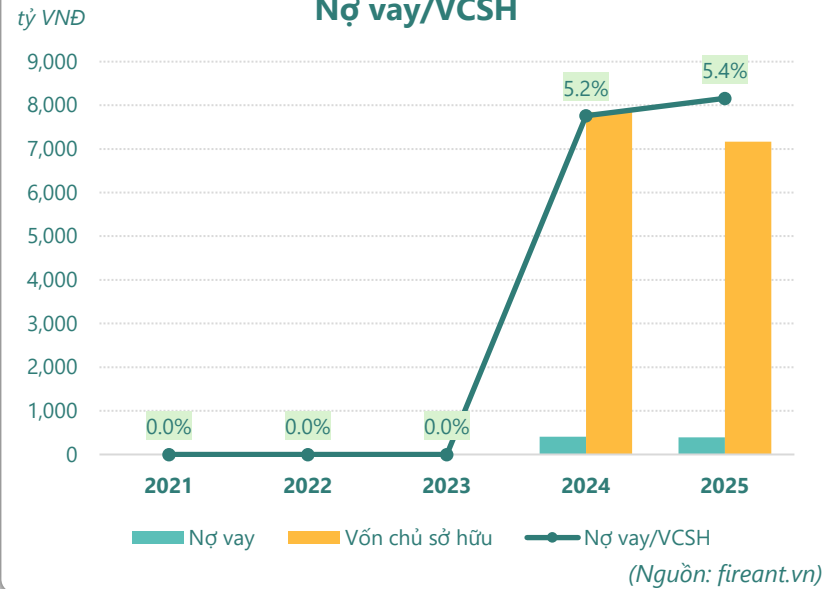
tỷ VNĐ



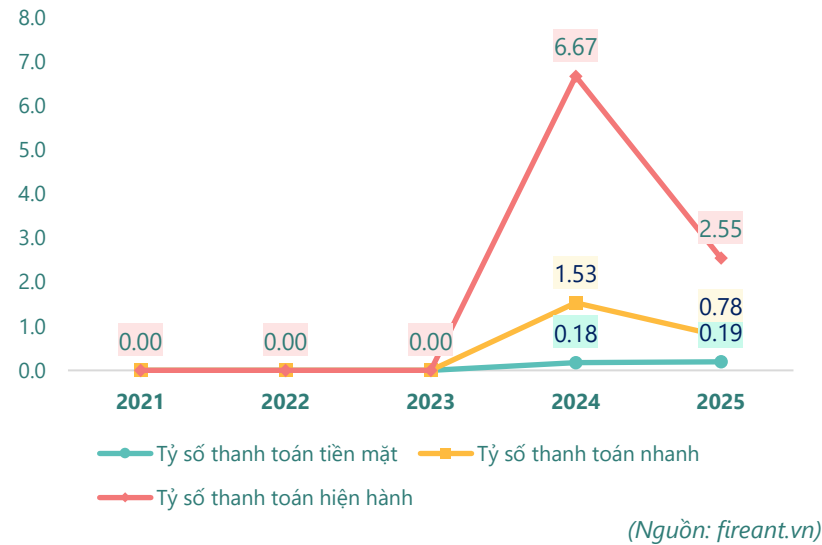
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

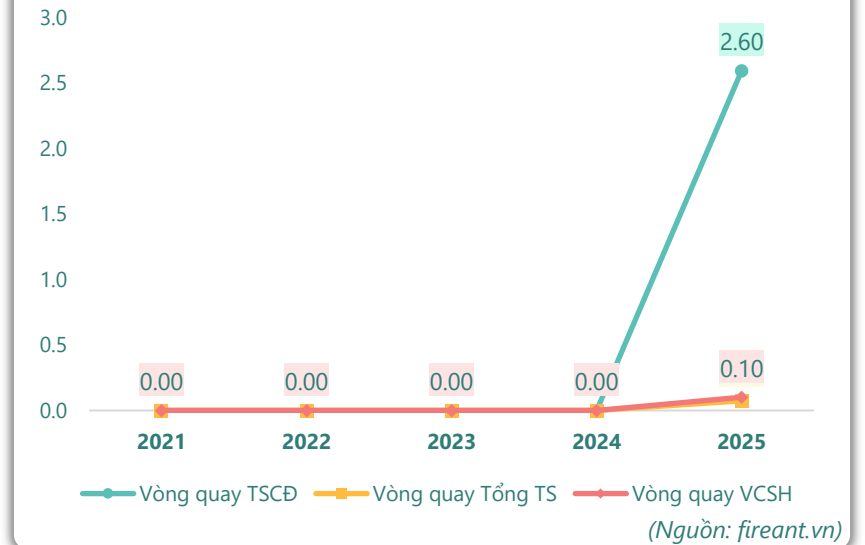
Nợ vay/VCSH



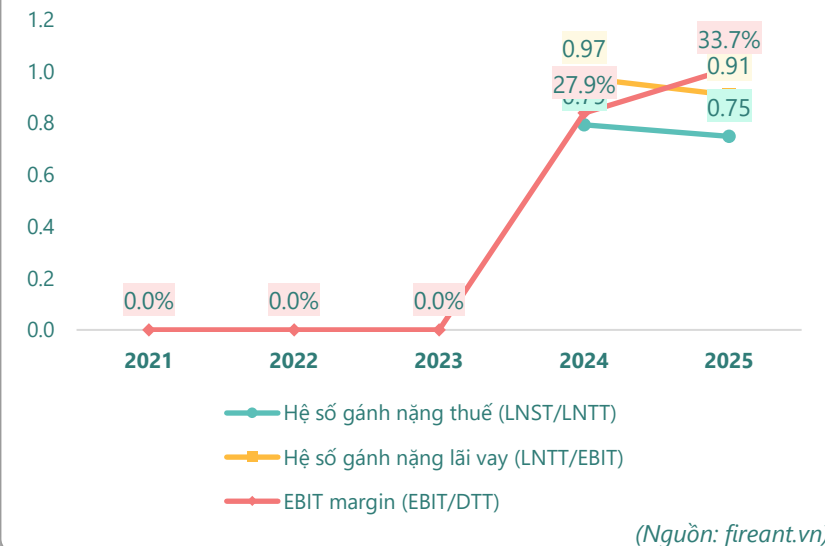
Chỉ số thanh khoản



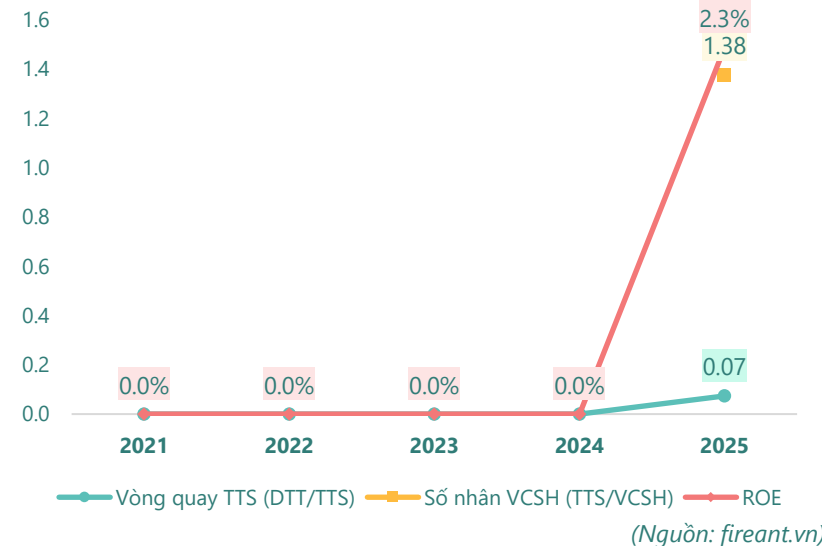
Vòng quay tài sản



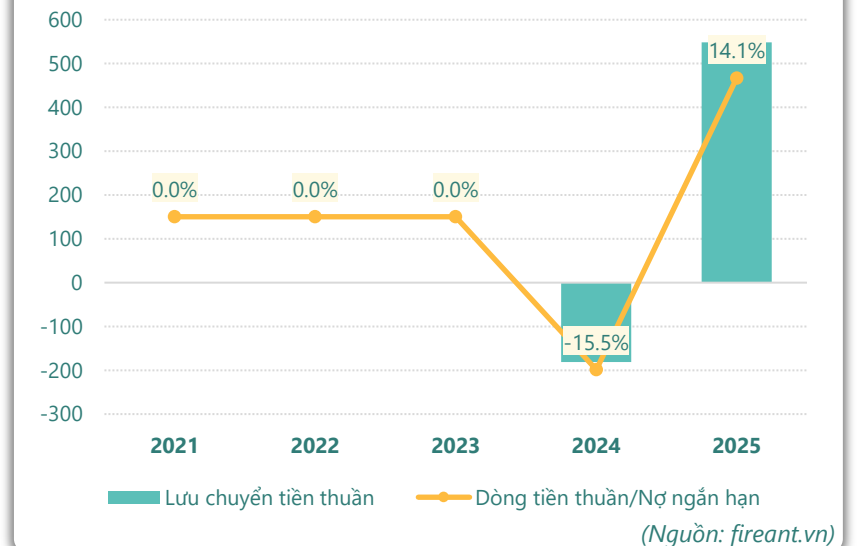
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	25.5	535	-95.2%	762	3,164	-75.9%
Giá vốn hàng bán	19.1	319	-94.0%	451	1,952	-76.9%
Lợi nhuận gộp	6.42	216	-97.0%	310	1,212	-74.4%
Doanh thu HĐTC	24.9	13.2	88.9%	78.7	49.4	59.5%
Chi phí TC	0.00	6.31	-99.9%	23.5	22.6	3.6%
Chi phí lãi vay	0	6.31	-100%	23.5	22.5	4.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	12.8	49.3	-74.1%	88.4	254	-65.2%
Chi phí QLDN	8.16	16.2	-49.6%	45.3	90.2	-49.8%
LN thuần từ HĐKD	10.4	157	-93.4%	232	894	-74.1%
Lợi nhuận khác	2.49	0.41	508%	1.26	-32.5	104%
LN trước thuế	12.9	158	-91.8%	233	862	-73.0%
Lợi nhuận sau thuế	10.7	122	-91.2%	174	684	-74.5%
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	122	-91.2%	174	684	-74.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	257	192	177	-302	1,463	743
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-186	-256	263	600	-1,115	-354
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	89.7	-302	237	-662	-201
Tiền đầu kỳ	112	183	208	347	881	567
Lưu chuyển tiền thuần	70.4	25.4	139	535	-314	189
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0	0	0.02	-0.03
Tiền cuối kỳ	183	208	347	881	567	756

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,502	9,156	25.6%
Tài sản ngắn hạn	9,916	7,806	27.0%
Tiền và tương đương tiền	756	208	263%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,452	1,125	29.1%
Phải thu ngắn hạn	665	383	73.8%
Hàng tồn kho	6,879	6,012	14.4%
Tài sản ngắn hạn khác	163	78.0	109%
Tài sản dài hạn	1,586	1,350	17.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	290	297	-2.3%
Bất động sản đầu tư	906	935	-3.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	255	0	
Tài sản dài hạn khác	40.6	8.90	356%
Lợi thế thương mại	94.6	109	-13.1%
Nợ phải trả	4,332	1,307	232%
Nợ ngắn hạn	3,892	1,170	233%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	317	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	173	232	-25.5%
Nợ dài hạn	440	136	223%
Vay và nợ thuê dài hạn	390	89.7	335%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,170	7,849	-8.7%
Vốn chủ sở hữu	7,170	7,849	-8.7%
Vốn điều lệ	6,724	6,724	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

